

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2022

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Bà Ché Thị Hồng Cẩm;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Đức, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Có mặt);
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Đức, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, bà Trần Thị T trình bày:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào năm 2001 bà và ông V quen biết nhau do qua mai mối nên đến năm 2003 thì được sự đồng ý của hai gia đình nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau tại địa chỉ tổ 4, ấp Tân Đức, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chồng thường xuyên uống rượu, vợ chồng thường cự cãi nhau, do tính tình vợ chồng không phù hợp bất đồng trong quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống kéo dài từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà T yêu cầu được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà T và ông V có ba đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh ngày 01/11/2016 khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu N và cháu Ng, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Thị T về thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung và thống nhất về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong quan điểm sống của cả hai, tính tình không phù hợp, và ông có thường uống rượu nên vợ chồng xảy ra cự cãi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc kể từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn với bà T do không còn tình cảm.

Về con chung: Ông V thống nhất cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên không đề cập giải quyết, đồng ý giao hai cháu Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh ngày 01/11/2016 cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án Tòa án không tiến hành hoà giải do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án ra chỉ ra thông báo hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn V có địa chỉ tại tổ 4, ấp Tân Đức, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà T và ông V quen nhau qua mai mối, sau đó tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo bà T cho rằng, quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông V thường xuyên uống rượu nên vợ chồng cự cãi do tính tình không phù hợp nên bất đồng trong quan điểm sống làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn ông V, ông V cũng đồng ý ly hôn với bà T lý do không còn tình cảm với bà T.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

Xét, bà T và ông V chung sống vào năm 2003, ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận bà T và ông V là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông V thống nhất có ba người con tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh ngày 01/11/2016.

Căn cứ vào sự thỏa thuận giữa vợ chồng thống nhất: Cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông V đồng ý giao hai cháu N và cháu Ng cho bà T nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2022 của cháu N và cháu Ng đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Do đó, xét thấy cháu L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết và để đảm bảo cho môi trường sống của các cháu được ổn định thì giao cháu N và cháu Ng cho bà T được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Căn cứ theo Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] *Về tài sản chung*: Bà T và ông V cùng xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Bà T và ông V đồng thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn V là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà T và ông V thống nhất về việc cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bà T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu

Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh ngày 01/11/2016, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi dạy con không cố định, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008095 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền